

Số: 2785 /QĐ-UBND

Hải Dương, ngày 30 tháng 10 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung và phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Giao thông vận tải

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 3585/TTr-SGTVT-P1 ngày 24 tháng 10 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố và phê duyệt kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung, quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải, cụ thể như sau:

1. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung 02 thủ tục hành chính. Nội dung cụ thể của thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định số 1117/QĐ-BGTVT ngày 09/09/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được ban hành mới, sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đăng kiểm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải. Chi tiết, có Phụ lục I đính kèm.

2. Phê duyệt 02 Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính. Chi tiết, có Phụ lục II đính kèm.

3. Bãi bỏ 01 Quy trình nội bộ đối với thủ tục hành chính “*Cấp Giấy chứng nhận, Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với phương tiện giao thông cơ giới đường bộ*” được phê duyệt tại Quyết định số 694/QĐ-UBND ngày 18/4/2023 của Chủ tịch UBND.

Điều 2. Trách nhiệm thực hiện

1. Giao Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm hướng dẫn, thực hiện, niêm yết, công khai, tổ chức tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân đảm bảo đúng quy định.

2. Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Sở Giao thông vận tải và các cơ quan liên quan cập nhật/gỡ bỏ nội dung thủ tục hành chính, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính tại Điều 1 Quyết định này trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh đảm bảo kịp thời, đầy đủ, chính xác, đúng quy định. Hoàn thành trong thời gian 01 ngày kể từ khi nhận được Quyết định này.

3. Văn phòng UBND tỉnh có trách nhiệm cập nhật công khai thủ tục hành chính trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính và Cơ sở dữ liệu thủ tục hành chính của UBND tỉnh đảm bảo kịp thời, đầy đủ, chính xác, đúng quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở: Giao thông vận tải, Thông tin và Truyền thông; Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC-VPCP;
- Trung tâm CNTT;
- Lưu: VT, NC-KSTTHC.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Minh Hùng

Phụ lục I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI BAN HÀNH, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
THUỘC PHẠM VI, CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI
(Kèm theo Quyết định số 2785/QĐ-UBND, ngày 30 tháng 10 năm 2024
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
I	LĨNH VỰC ĐĂNG KIỆM				
1	Cấp Giấy chứng nhận, Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường tiện giao thông cơ giới trong bộ hợp nhưng bị mất, hư hỏng, rách hoặc có sự sai khác về thông tin	- Trường hợp Giấy chứng nhận kiểm định lần đầu hoặc Tem kiểm định lần đầu của xe cơ giới thuộc đối tượng miễn kiểm định bị mất: Trong ngày làm việc. - Trường hợp Giấy chứng nhận kiểm định hoặc Tem kiểm định của xe cơ giới bị mất (trừ	Đơn vị Đăng kiểm	- Giá dịch vụ in lại Giấy chứng nhận kiểm định và Tem kiểm định đối với xe cơ giới là: 23.000 đồng/lần/xe.	- Thông tư số 16/2021/TT-BGTVT ngày 12 tháng 08 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ; - Thông tư số 02/2023/TT-BGTVT ngày 21 tháng 3 năm 2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2021/TT-BGTVT ngày 12 tháng 08 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ; - Thông tư số 08/2023/TT-BGTVT ngày 02 tháng 06 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2021/TT-BGTVT ngày 12 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
		<p>trường hợp mất đồng thời Giấy chứng nhận kiểm định và Tem kiểm định của xe cơ giới và trường hợp mất Giấy chứng nhận kiểm định lần đầu hoặc Tem kiểm định lần đầu của xe cơ giới thuộc đối tượng miễn kiểm định), hư hỏng, rách:</p> <p>Trong 01 ngày làm việc kể từ ngày khai báo.</p> <p>- Trường hợp Giấy chứng nhận kiểm định và Tem kiểm định có thông tin sai khác so với hồ sơ phương</p>			<p>Giao thông vận tải quy định về kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ;</p> <p>- Thông tư số 30/2024/TT-BGTVT ngày 12 tháng 8 năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2021/TT-BGTVT ngày 12 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ và Thông tư số 03/2018/TTBGTVT ngày 10 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với ô tô nhập khẩu thuộc đối tượng của Nghị định số 116/2017/NĐ-CP;</p> <p>- Thông tư số 11/2024/TT-BGTVT ngày 26 tháng 4 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về giá dịch vụ lập hồ sơ phương tiện đối với xe cơ giới được miễn kiểm định lần đầu và dịch vụ in lại Giấy chứng nhận kiểm định, và Tem kiểm định đối với xe cơ giới.</p>

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
		tiện của xe do đơn vị đăng kiểm in sai: 01 ngày làm việc kể từ thời điểm nộp hồ sơ.			

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
I	LĨNH VỰC ĐĂNG KIỂM				
1	Cấp Giấy chứng nhận, kiểm định, Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ	- Kiểm định tại đơn vị đăng kiểm: Trong ngày làm việc. - Kiểm định ngoài đơn vị đăng kiểm: Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của chủ xe, đơn vị đăng	Đơn vị Đăng kiểm	- Lệ phí cấp giấy chứng nhận: 50.000 đồng/01 Giấy chứng nhận kiểm định, riêng đối với ô tô dưới 10 chỗ ngồi (không bao gồm xe cứu thương): 100.000 đồng/01 Giấy chứng nhận kiểm định. Mức thu phí, lệ	- Thông tư số 16/2021/TT-BGTVT ngày 12 tháng 08 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ; - Thông tư số 02/2023/TT-BGTVT ngày 21 tháng 3 năm 2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2021/TT-BGTVT ngày 12 tháng 08 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
		<p>kiểm có văn bản thông báo cho chủ xe về thời gian kiểm tra</p>		<p>phí kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2024 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2024: Lệ phí cấp giấy chứng nhận: 20.000 đồng/01 Giấy chứng nhận kiểm định, riêng đối với ô tô dưới 10 chỗ ngồi (không bao gồm xe cứu thương): 45.000 đồng/01 Giấy chứng nhận kiểm định.</p> <p>- Phí: Mức giá theo phụ biểu đính kèm</p>	<p>vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ; - Thông tư số 08/2023/TT-BGTVT ngày 02 tháng 06 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2021/TT-BGTVT ngày 12 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ; - Thông tư số 30/2024/TT-BGTVT ngày 12 tháng 8 năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2021/TT-BGTVT ngày 12 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ và Thông tư số 03/2018/TT-BGTVT ngày 10 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với</p>

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
					<p><i>ô tô nhập khẩu thuộc đối tượng của Nghị định số 116/2017/NĐ-CP;</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 238/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về giá dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới, thiết bị và xe máy chuyên dùng đang lưu hành; đánh giá, hiệu chuẩn thiết bị kiểm tra xe cơ giới; - Thông tư số 55/2022/TT-BTC ngày 24 tháng 8 năm 2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 238/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về giá dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới, thiết bị và xe máy chuyên dùng đang lưu hành; đánh giá, hiệu chuẩn thiết bị kiểm tra xe cơ giới; - Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
					<p>cấp giấy chứng nhận bảo đảm chất lượng, an toàn kỹ thuật đối với máy, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn; - Thông tư số 36/2022/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy chứng nhận bảo đảm chất lượng, an toàn kỹ thuật đối với máy, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn; - Thông tư số 43/2024/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm tiếp tục tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh.</p>

PHỤ BIỂU

Giá dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới, thiết bị và xe máy chuyên dùng đang lưu hành; đánh giá, hiệu chuẩn thiết bị kiểm tra xe cơ giới theo Thông tư số 238/2016/TT-BTC ngày 11/12/2016 và Thông tư số 55/2022/TT-BTC ngày 24/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.)

1. Biểu:

Đơn vị tính: 1.000 đồng/xe

STT	Loại xe cơ giới	Mức giá
1	Xe ô tô tải có khối lượng hàng chuyên chở cho phép tham gia giao thông trên 20 tấn, xe ô tô đầu kéo có khối lượng kéo theo cho phép tham gia giao thông trên 20 tấn và các loại xe ô tô chuyên dùng	560
2	Xe ô tô tải có khối lượng hàng chuyên chở cho phép tham gia giao thông trên 7 tấn đến 20 tấn, xe ô tô đầu kéo có khối lượng kéo theo cho phép tham gia giao thông đến 20 tấn và các loại máy kéo	350
3	Xe ô tô tải có khối lượng hàng chuyên chở cho phép tham gia giao thông trên 2 tấn đến 7 tấn	320
4	Xe ô tô tải có khối lượng hàng chuyên chở cho phép tham gia giao thông đến 2 tấn	280
5	Máy kéo, xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ, xe chở người bốn bánh có gắn động cơ và các loại phương tiện vận chuyển tương tự	180
6	Rơ moóc, sơ mi rơ moóc	180
7	Xe ô tô chở người trên 40 ghế (kể cả lái xe), xe buýt	350
8	Xe ô tô chở người từ 25 đến 40 ghế (kể cả lái xe)	320
9	Xe ô tô chở người từ 10 ghế đến 24 ghế (kể cả lái xe)	280
10	Xe ô tô chở người dưới 10 chỗ ngồi, xe ô tô cứu thương	240

2. Những xe cơ giới kiểm định không đạt tiêu chuẩn an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phải bảo dưỡng sửa chữa để kiểm định lại. Giá các lần kiểm định lại được tính như sau:

a. Nếu việc kiểm định lại được tiến hành cùng ngày (trong giờ làm việc) với lần kiểm định đầu tiên thì: miễn thu đối với kiểm định lại lần 1 và 2; kiểm định lại từ lần thứ 3 trở đi mỗi lần kiểm định lại thu bằng 50% mức giá quy định tại Biểu.

b. Nếu việc kiểm định lại được tiến hành sau 01 ngày và trong thời hạn 07 ngày (không kể ngày nghỉ theo chế độ) tính từ ngày kiểm định lần đầu, mỗi lần kiểm định lại thu bằng 50% giá quy định tại Biểu.

c. Nếu việc kiểm định lại được tiến hành sau 7 ngày (không kể ngày nghỉ theo chế độ) tính từ ngày kiểm định lần đầu thì giá kiểm định được tính như kiểm định lần đầu.

3. Kiểm định xe cơ giới để cấp Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường (có thời hạn không quá 15 ngày) thu bằng 100% giá quy định tại Biểu.

4. Kiểm định mang tính giám định kỹ thuật, đánh giá chất lượng theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân được thu với mức giá thỏa thuận nhưng không vượt quá 3 lần mức giá quy định tại Biểu.

Phụ lục II
QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC
THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND, ngày tháng 10 năm 2024
của Chủ tịch UBND tỉnh)

II. NỘI DUNG QUY TRÌNH NỘI BỘ

1. Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận, Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ trong trường hợp còn hiệu lực nhưng bị mất, hư hỏng, rách hoặc có sự sai khác về thông tin.

1.1. Thời hạn giải quyết:

- Trường hợp Giấy chứng nhận kiểm định lần đầu hoặc Tem kiểm định lần đầu của xe cơ giới thuộc đối tượng miễn kiểm định bị mất: Trong ngày làm việc.

- Trường hợp Giấy chứng nhận kiểm định hoặc Tem kiểm định của xe cơ giới bị mất (trừ trường hợp mất đồng thời Giấy chứng nhận kiểm định và Tem kiểm định của xe cơ giới và trường hợp mất Giấy chứng nhận kiểm định lần đầu hoặc Tem kiểm định lần đầu của xe cơ giới thuộc đối tượng miễn kiểm định), hư hỏng, rách: Trong 01 ngày làm việc kể từ ngày khai báo.

- Trường hợp Giấy chứng nhận kiểm định và Tem kiểm định có thông tin sai khác so với hồ sơ phương tiện của xe do đơn vị đăng kiểm in sai: 01 ngày làm việc kể từ thời điểm nộp hồ sơ.

1.2. Sơ đồ Quy trình giải quyết:

Các bước thực hiện	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ của tổ chức, cá nhân	Bộ phận Tiếp nhận hồ sơ tại đơn vị Đăng kiểm	Tiếp nhận ngay khi tổ chức công dân nộp
B2	Thẩm định hồ sơ, Trình lãnh đạo cấp giấy chứng nhận, Tem kiểm định	Bộ phận nghiệp vụ	Trong ngày làm việc
B3	Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Trung tâm đăng kiểm	

B4	<div style="border: 1px solid green; padding: 5px; display: inline-block;">Chuyển trả kết quả cho bộ phận tiếp nhận</div>	Bộ phận nghiệp vụ	Ngay sau khi có kết quả
B5	<div style="border: 1px solid green; border-radius: 50%; padding: 10px; display: inline-block;">Trả hồ sơ/ kết quả cho tổ chức, cá nhân</div>	Bộ phận tiếp nhận	Không tính thời gian

1.3. Diễn giải quy trình thực hiện cụ thể:

a) Tiếp nhận hồ sơ.

- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm đăng kiểm.
- Cán bộ tiếp nhận hồ sơ của Trung tâm đăng kiểm tiếp nhận, thực hiện kiểm tra thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ.
 - + Nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì tiếp nhận hồ sơ chuyên bàn giao hồ sơ cho Bộ phận nghiệp vụ ngay sau khi tiếp nhận.
 - + Nếu hồ sơ chưa đầy đủ thì cán bộ tiếp nhận hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ cho tổ chức, cá nhân.
- Bộ phận tiếp nhận hồ sơ chuyển hồ sơ cho Bộ phận nghiệp vụ ngay sau khi nhận được hồ sơ.

b) Thẩm định và xem xét, lấy ý kiến ký duyệt hồ sơ theo quy định.

Bộ phận nghiệp vụ thẩm định hồ sơ:

- Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, Trung tâm thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản những nội dung cần bổ sung hoặc sửa đổi đến tổ chức, cá nhân.
- Nếu hồ sơ hợp lệ, Bộ phận nghiệp vụ thẩm định xem xét, trình phê duyệt kết quả giải quyết hoặc văn bản từ chối giải quyết nếu hồ sơ không đủ điều kiện ngay sau khi thẩm định.
- Lãnh đạo Trung tâm xem xét cấp Giấy chứng nhận, Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với phương tiện giao thông cơ giới đường bộ hoặc ký văn bản từ chối nếu hồ sơ không đủ điều kiện ngay sau khi bộ phận trình kết quả giải quyết.
- Ngay sau khi có kết quả, Bộ phận nghiệp vụ chuyển kết quả cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ.

c) Nhận hồ sơ/kết quả và trả cho tổ chức, cá nhân.

Bộ phận nghiệp vụ chuyển ngay hồ sơ/kết quả cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ kể từ khi lãnh đạo trung tâm ký duyệt hồ sơ. Bộ phận trả kết quả Trung tâm đăng kiểm trả hồ sơ/kết quả trực tiếp cho tổ chức, cá nhân.

2. Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận, kiểm định, Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ

*** Trường hợp Kiểm định tại đơn vị Đăng kiểm**

2.1. Thời hạn giải quyết: Trong ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.

2.2. Sơ đồ Quy trình giải quyết:

Các bước thực hiện	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ của tổ chức, cá nhân	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ tại đơn vị Đăng kiểm	Tiếp nhận ngay khi tổ chức công dân nộp
B2	Thẩm định hồ sơ, kiểm tra xe cơ giới và đối chiếu với các giấy tờ và bản in thông số kỹ thuật, trình lãnh đạo duyệt cho xe vào kiểm định	Bộ phận Nghiệp vụ	Ngay sau khi nhận hồ sơ
B3	Thực hiện kiểm định xe cơ giới, truyền kết quả đăng kiểm; và in phiếu kiểm định; trình phê duyệt kết quả giải quyết	Bộ phận Kiểm định	Ngay sau khi nhận hồ sơ
B4	Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Trung tâm đăng kiểm	Ký duyệt ngay sau khi nhận hồ sơ
B5	Chuyển trả kết quả cho bộ phận tiếp nhận	Bộ phận nghiệp vụ	Ngay sau khi có kết quả
B6	Trả hồ sơ/ kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận tiếp nhận	Không tính thời gian

2.3. Diễn giải quy trình thực hiện cụ thể:

a) Tiếp nhận hồ sơ.

- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm đăng kiểm.
- Cán bộ tiếp nhận hồ sơ của Trung tâm đăng kiểm tiếp nhận, thực hiện kiểm tra thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ.

+ Nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì tiếp nhận hồ sơ chuyển bàn giao hồ sơ cho Bộ phận nghiệp vụ ngay sau khi tiếp nhận.

+ Nếu hồ sơ chưa đầy đủ thì cán bộ tiếp nhận hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ cho tổ chức, cá nhân.

- Bộ phận tiếp nhận hồ sơ chuyển hồ sơ cho Bộ phận nghiệp vụ ngay sau khi nhận được hồ sơ.

b) Thẩm định và xem xét, lấy ý kiến duyệt hồ sơ theo quy định.

Bộ phận nghiệp vụ thẩm định hồ sơ:

- Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, Trung tâm thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản những nội dung cần bổ sung hoặc sửa đổi đến tổ chức, cá nhân.

- Nếu hồ sơ hợp lệ, Bộ phận nghiệp vụ chuyển ngay cho bộ phận kiểm định thực hiện kiểm định.

- Bộ phận kiểm định thực hiện kiểm định ngay sau khi tiếp nhận hồ sơ từ bộ phận nghiệp vụ, trình lãnh đạo Trung tâm xem xét kết quả giải quyết hoặc văn bản từ chối nếu kiểm định không đủ điều kiện.

- Lãnh đạo Trung tâm xem xét, phê duyệt kết quả giải quyết hoặc văn bản từ chối giải quyết nếu hồ sơ không đủ điều kiện ngay sau khi có kết quả.

- Ngay sau khi có kết quả kiểm định, Bộ phận nghiệp vụ chuyển kết quả cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ.

c) Nhận hồ sơ/kết quả và trả cho tổ chức, cá nhân.

Bộ phận nghiệp vụ chuyển ngay hồ sơ/kết quả cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ kể từ khi lãnh đạo trung tâm ký duyệt hồ sơ. Bộ phận trả kết quả Trung tâm đăng kiểm trả hồ sơ/kết quả trực tiếp cho tổ chức, cá nhân.

*** Trường hợp Kiểm định Ngoài đơn vị Đăng kiểm**

2.1. Thời hạn giải quyết: Trong vòng 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của chủ xe, đơn vị đăng kiểm có văn bản thông báo cho chủ xe về thời gian kiểm tra.

2.2. Sơ đồ Quy trình giải quyết:

Các bước thực hiện	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận đề nghị của tổ chức, cá nhân	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ	½ ngày làm việc
B2	Tiếp nhận hồ sơ, trình lãnh đạo ký văn bản thông báo cho chủ xe về thời gian kiểm tra chuyển Bộ phận Kiểm định	Bộ phận nghiệp vụ	Trong thời hạn 2,5 ngày làm việc
B3	Kiểm tra xe cơ giới và đối chiếu với các giấy tờ và bản in thông số kỹ thuật, trình lãnh đạo cấp Giấy chứng nhận, Tem kiểm điểm định	Bộ phận kiểm định	Theo thời gian văn bản Thông báo
B4	Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Trung tâm đăng kiểm	Ký duyệt ngay sau khi nhận hồ sơ
B5	Chuyển trả kết quả cho bộ phận tiếp nhận	Bộ phận nghiệp vụ	Ngay sau khi có kết quả
B6	Trả hồ sơ/ kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận tiếp nhận	Không tính thời gian

1.3. Diễn giải quy trình thực hiện cụ thể:

a) Tiếp nhận hồ sơ.

- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đề nghị kiểm định cho đơn vị đăng kiểm.

Tổ chức ngoài đơn vị đăng kiểm tiếp nhận đề nghị và nộp trực tiếp đến Trung tâm đăng kiểm.

- Cán bộ tiếp nhận hồ sơ của Trung tâm đăng kiểm tiếp nhận, thực hiện kiểm tra thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ.

+ Nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì tiếp nhận hồ sơ chuyển bàn giao hồ sơ cho Bộ phận nghiệp vụ ngay sau khi tiếp nhận.

+ Nếu hồ sơ chưa đầy đủ thì cán bộ tiếp nhận hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ cho tổ chức, cá nhân.

b) Thẩm định và xem xét, lấy ý kiến ký duyệt hồ sơ theo quy định.

Bộ phận nghiệp vụ thẩm định hồ sơ:

- Kiểm tra, xem xét đề nghị của chủ xe, nếu đúng đối tượng theo quy định và đủ điều kiện đường thử thì trong vòng 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của chủ xe, đơn vị đăng kiểm có văn bản thông báo cho chủ xe về thời gian kiểm tra. Trường hợp không đủ điều kiện đường thử thì có văn bản thông báo cho chủ xe và nêu rõ lý do.

- Nếu hồ sơ hợp lệ, Bộ phận nghiệp vụ chuyển ngay cho bộ phận kiểm định thực hiện kiểm định.

- Bộ phận kiểm định thực hiện kiểm định ngay sau khi tiếp nhận hồ sơ từ bộ phận nghiệp vụ, trình lãnh đạo Trung tâm xem xét kết quả giải quyết hoặc văn bản từ chối nếu kiểm định không đủ điều kiện.

- Lãnh đạo Trung tâm xem xét, phê duyệt kết quả giải quyết hoặc văn bản từ chối giải quyết nếu hồ sơ không đủ điều kiện ngay sau khi có kết quả.

- Ngay sau khi có kết quả kiểm định, Bộ phận nghiệp vụ chuyển kết quả cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ.

c) Nhận hồ sơ/kết quả và trả cho tổ chức, cá nhân.

Bộ phận nghiệp vụ chuyển ngay hồ sơ/kết quả cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ kể từ khi lãnh đạo trung tâm ký duyệt hồ sơ. Bộ phận trả kết quả Trung tâm đăng kiểm trả hồ sơ/kết quả trực tiếp cho tổ chức, cá nhân.